

Bản án số: 51/2026/HSST
Ngày: 29/8/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận;

Bà Điều Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2026/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 442/2026/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: C), sinh năm 1967, tại tỉnh Quảng Trị.

Căn cước công dân số: 070067003592

Nơi cư trú: Tô E, thôn L, phường L, thành phố Đ.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Đoàn Thị T; bị cáo có vợ và 05 đã trưởng thành;

Tiền án:

+ Ngày 29/9/1992, bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xử phạt 16 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong);

+ Ngày 02/3/1995, bị Toà án nhân dân tỉnh Sông Bé xử phạt 40 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

+ Ngày 23/10/2001, bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng về Tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

+ Ngày 18/11/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về Tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

+ Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại Bản án số 01/2025/HSST bị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xử phạt 05 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo, đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14 tháng 10 năm 1982, Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định xử phạt cải tạo 03 năm, đưa vào Trường G, (đã chấp hành xong).

- Ngày 17 tháng 4 năm 2020, Công an thành phố G, tỉnh Đắk Nông xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (hết thời

hiệu xử phạt hành chính).

- Ngày 14 tháng 6 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2026 đến ngày 03/7/2026 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh đến nay.

- Bị hại: Đỗ Đức C1, sinh năm 1974, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 02 tháng 5 năm 2026, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô biển số: 93M1-32456 (mượn của chị Nguyễn Thị L) đến khu vực xã Đ, thành phố Đ tìm việc làm. Khi tới tạp hóa “Tuyệt Chủ” của ông Đỗ Đức C1 thuộc thôn Đ, xã Đ thì Q dừng lại, mua nước uống, đồ dùng cá nhân. Tại đây, Q nhìn thấy thùng thuốc lá hiệu Craven A C2 nên nảy sinh ý định trộm cắp, đem bán lấy tiền tiêu xài. Q dùng tay lấy 05 cây thuốc lá hiệu Craven A C2 cất giấu vào bên trong áo khoác, đồng thời cầm theo một cuộn giấy vệ sinh ra tính tiền. Nghi ngờ, Q lấy trộm thuốc lá nên ông C1 nói “đến quán mua giấy vệ sinh mà lấy cây thuốc”. Nghe vậy, Q liền lấy ra 01 cây thuốc lá xin ông C1 tha thứ.

Nhận thấy, Q còn cất giấu tài sản nên ông C1 tiến hành kiểm tra thì phát hiện Q còn cất giấu 04 cây thuốc lá hiệu Craven A. Ông C1 đã trình báo đến Công an xã Đ, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tang vật, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản xã Đ, thành phố Đ kết luận: Tại thời điểm xảy ra tội phạm: 05 cây thuốc lá Craven A tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị là 1.250.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ đã trả: 05 cây thuốc lá hiệu Craven A C2 cho ông Đỗ Đức C1, 01 xe mô tô biển số: 93M1-324.56 cho chủ sở hữu hợp pháp chị Nguyễn Thị L.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 31/CT – VKS ngày 28/7/2026, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 đến 07 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo lớn tuổi, sức khỏe yếu nên không đề nghị áp dụng.

Bị cáo Nguyễn Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 02/5/2026, Nguyễn Văn Q có hành vi trộm cắp 05 cây thuốc lá hiệu Craven A của ông Đỗ Đức C1 tại khu vực thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ giá trị 1.250.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, vào ngày 01/8/2025, Nguyễn Văn Quang Q bị Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng xử phạt 05 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội trộm cắp tài sản.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì lười lao động mà lại muốn được hưởng thụ, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã có nhiều tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Mặc dù tại lần phạm tội này bị cáo không bị xem là tái phạm, nhưng vẫn bị coi là có nhân thân không tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người khuyết tật (mù một mắt) mặc dù không ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt hàng ngày những vẫn được ghi nhận tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do bị cáo bị cáo là người khuyết tật, hạn chế khả năng lao động nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả lại 05 cây thuốc lá hiệu Craven A C2 cho ông Đỗ Đức C1, 01 xe mô tô biển số: 93M1-324.56 cho chủ sở hữu hợp pháp chị Nguyễn Thị L.

Các vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 06 tháng tù (sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2026 đến ngày 03/7/2026.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND thành phố Đồng Nai.
- Sở tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Công an thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- PTHADS khu vực 12 – Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.
- Tổng số bản án phát hành (14)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh